TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 4 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện

Ông Dương Hoàng Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn T - sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Nguyễn Thị N - sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2014 tại UBND xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Tôi có kết hôn với chị Nguyễn Thị N và chung sống với nhau nhưng không có được gần nhau thường xuyên vì một cảnh hai quê, chỉ một tuần hai tuần mới gặp nhau một lần. Trong thời gian kết nghĩa vợ chồng chị N chưa thực hiện đúng lời hứa của mình và chưa làm tròn bổn phận của người con dâu trong gia đình, mẹ tôi hiện nay đã già yếu 84 tuổi không có ai chăm sóc phụng dưỡng, thì chị N không có trách nhiệm với gia đình tôi, bên cạnh đó tôi nhiều lần khuyên nhũ nhưng không có kết quả. Từ đó bản thân tôi không còn cách nào khác, một bên tình và một bên hiếu, bà đưa ra nhiều lý do cho bản thân mình và cũng không thể hiện được mối tình cảm thân thiện với gia đình. Chính vì đó gia đình tôi và tôi không còn thiện cảm và tình thương đối với chị N nữa vì vậy mà bản thân tôi không còn cách nào khác hơn. Mặc dù đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng vợ tôi là chị N không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến trong công việc cho bản thân tôi trong thời gian qua. Chính vì vậy vợ chồng tôi đã chính thức ly thân đến nay được 02 năm. Đời sống chung của chúng tôi không thể hoà hợp với nhau nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về thời gian kết hôn, sống chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn bị đơn cho rằng thời gian sống chung vợ chồng có xảy ra nhiều bất đồng do không cùng quan điểm sống, năm 2020 ông T bắt đầu có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm phải nhạt và vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

Tại phiên hoà giải ngày 09/3/2022 bị đơn cũng thống nhất ly hôn với

nguyên đơn nhưng đến ngày 16/3/2022 thì bị đơn có đơn thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn bà Nguyễn Thị N có địa chỉ ở ấp L, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang ngày 02/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai bên đã không sống chung hơn một năm. Tại phiên toà, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghi Toà án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, ý kiến của các bên tại phiên toà là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007753 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, ông Nguyễn Văn T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H PH;
- Chi cục THADS H PH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thái Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN**

Phan Công Điện **Dương Hoàng Khải** **Hà Thái Thơ**